

THÂN PHẬN NGƯỜI PHỤ NỮ TRONG DÂN CA TRỮ TÌNH SINH HOẠT TÀY, THÁI

Hà Xuân Hương*

Trường Đại học Khoa học – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Người Thái và người Tày đều theo chế độ phụ hệ. Sự kiện xã hội này được phản ánh chân thực trong dân ca trữ tình sinh hoạt. Ở đây, người phụ nữ được miêu tả là những người có thân phận bị phụ thuộc. Song, dân ca Thái cũng có nhiều bài ghi nhận sự tự do yêu đương và thái độ yêu thương, coi mở cửa người chồng, gia đình chồng đối với người phụ nữ. Dân tộc Tày tuy không dành nhiều tự do, dân chủ cho người phụ nữ như người Thái, nhưng dân ca trữ tình sinh hoạt Tày đã lên tiếng đả phá chế độ đa thê, cảm tái giá để bênh vực cho quyền hạnh phúc của người phụ nữ. Dân ca hai dân tộc có những cách khác nhau để bênh vực người phụ nữ song đều thể hiện tính nhân văn trong bối cảnh xã hội nam quyền.

Từ khóa: *Thân phận người phụ nữ, dân ca trữ tình sinh hoạt, người Thái, người Tày, nhân văn.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Mỗi dân tộc khác nhau sẽ có cách ứng xử khác nhau đối với người phụ nữ. Điều đó được thể hiện trên nhiều phương diện: đời sống sinh hoạt, chính trị, văn học... Việc tìm hiểu thân phận người phụ nữ có ý nghĩa nhất định đối với việc đánh giá nền dân chủ của một tộc người. Ở bài viết này, chúng tôi tìm hiểu thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái trên cơ sở đối chiếu với vị trí của người phụ nữ trong cấu trúc xã hội với hi vọng, từ đây, thấy được sự khác biệt về mặt nội dung của dân ca Tày, Thái, đồng thời góp phần soi sáng tính chất nhân bản của cấu trúc xã hội tộc người.

Về dân ca trữ tình sinh hoạt, đây là những bài hát dân gian có nội dung phản ánh những sinh hoạt gia đình và xã hội của đời sống nhân dân như tình yêu nam nữ, các mối quan hệ gia đình và xã hội, tình yêu quê hương đất nước. Ở người Tày, dân ca trữ tình sinh hoạt gồm các loại như lượn cọi (hát gọi bạn yêu), lượn sluong (hát thương yêu), lượn nằng ới (hát gọi người con gái), phong slur (thư tình), ú noọng (hát ru), đồng dao... Người Thái có các loại như khắp (dân ca giao duyên), pháng (các bài hát ngẫu hứng), sằng (hát dặn), xềnh (hát ngợi ca), suồn (hát kể)...

VỊ TRÍ CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ NHÌN TỪ CẤU TRÚC XÃ HỘI

Dân tộc Thái, Tày đều trọng nam quyền. Sống trong chế độ xã hội ấy, người phụ nữ trầm bệ tủi nhục, bẽ bàng. Ở phạm vi xã hội, họ không được tham gia vào các công việc xã hội. Ở phạm vi gia đình, họ bị phụ thuộc vào người đàn ông – chủ gia đình, không tự định đoạt được cuộc đời mình.

Trong cấu trúc xã hội của dân tộc Tày, do chịu ảnh hưởng của Hán tộc và Việt tộc nhiều nên nguyên tắc nam quyền được đẩy lên cao độ. Trong đó, sự ảnh hưởng của Nho giáo với chế độ Tông pháp, những quy định chặt chẽ về tôn ti trật tự lấy phụ hệ làm nền tảng đã xác lập vai trò của người đàn ông trong gia đình và xã hội. Quyền lực tập trung trong tay người đàn ông – chủ nhà (chầu rườn). Người phụ nữ được tham gia đóng góp ý kiến nhưng người quyết định luôn là người đàn ông. Phụ nữ hiếm khi cãi lại chồng vì sợ bị xã hội dị nghị. Tất nhiên, khi khúc xạ vào văn hóa Tày, Tông pháp của người Hán đã bị thay đổi ít nhiều. Trong điều kiện kinh tế hàng hóa kém phát triển, vai trò lao động trong kinh tế gia đình của người phụ nữ chiếm ưu thế nên họ ít nhiều cũng có chỗ đứng trong gia đình, không bị rúng quá như trong xã hội Hán và Việt.

* Tel: 01648999090; Email: haxuanhuong_dhkh@yahoo.com.vn

Điều đáng nói là, nếu như do địa hình bắc Hán, xuôi Kinh và những nguyên nhân về mặt lịch sử, xã hội, “sự tác động chính trị của triều đình miền xuôi lên vùng người Tày là đáng kể” [4, tr. 274], thì người Thái hoàn toàn ngược lại. Địa chính trị tộc người và cơ cấu dân cư là nguyên nhân dẫn đến việc người Thái “đã thiết lập được một quyền tự trị đáng kể hàng ngàn năm trên đất nước Việt Nam” [4, tr. 270]. Trong suốt chiều dài lịch sử, các triều đình phong kiến người Kinh vẫn không thể áp đặt được một sự cai trị triệt để và đưa ảnh hưởng của Nho giáo đến vùng đất này. Do đó, dễ hiểu là cùng sống trong chế độ nam quyền nhưng người phụ nữ Thái được hưởng bầu không khí tự do, bình đẳng hơn so với người phụ nữ Tày. Điều đó thể hiện ít nhiều trong phong tục thờ cúng tổ tiên đẳng ngoại, tục ở rể, tục coi trọng dòng họ ông cậu... Đây được coi như tàn tích của chế độ mẫu hệ, nhưng đồng thời có thể coi như một đặc điểm thuần phong mỹ tục của người Thái, thể hiện tính nhân bản đáng trân trọng của tộc người. Sự kiện xã hội này được phóng chiếu vào dân ca trữ tình sinh hoạt Thái, tạo nên những tiếng hát nhân văn sâu sắc.

Vì những lí do trên, xét về vị trí của người phụ nữ trong cấu trúc xã hội, người Thái dành cho người phụ nữ nhiều tự do, dân chủ hơn so với người Tày, người Tày lại coi trọng người phụ nữ hơn so với người Kinh và người Hán.

THÂN PHẬN NGƯỜI PHỤ NỮ NHÌN TỪ DÂN CA TRỮ TÌNH SINH HOẠT

Quan niệm của tộc người về vị trí của người phụ nữ nhìn từ cấu trúc xã hội như trên có ảnh hưởng nhất định đến sự phản ánh thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt.

Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Thái

Thân phận người phụ nữ mà cái sự kiện văn bản là dân ca trữ tình sinh hoạt Thái phản ánh trước hết là những người có thân phận bé nhỏ, hạnh phúc phụ thuộc vào cha mẹ và người chồng, gia đình chồng. Sự phụ thuộc ấy gây nên biết bao nỗi khổ cho người phụ nữ.

Người Thái có câu: Nhìn không khai, chai không liêng (Gái là của bán, trai là của nuôi). Và, cái sự “bán” ấy lại đặc biệt tuân theo nguyên tắc môn đăng hộ đối. Cảnh ra “giá đầu” (*ca hua*) được tái hiện trong dân ca một cách chân thực đến đau lòng. Cha mẹ và họ hàng đôi bên cùng tham gia vào việc ngã giá này. Một con người đang được định giá như người ta bán trâu, bán bò.

*Kính chái má dăm nắng tò nằng không xẻ lạ
Mạc hèo hanh chúp nặm xờ ở bo mí*

*Chứa tảnh khổ nhìn mừ dểu ton bo mí Kiêu
má lìn đóm nọng xỏ pì bắng long*

Nọng cú đày kí cuối thâm thì mới hứa bo mí cọ.

(Nghe tiếng mẹ nằng ngồi phía dưới đã thuận/ Bó em ngồi phía trên cũng thuận gả em/ Giờ thì tộc trưởng mới phán giá đầu nằng/ Giá đầu nằng yêu quý bốn nghìn rưỡi) [2, tr.443]

Cô gái đi lấy chồng theo lời cha mẹ. Nhưng rồi, cái tương lai ở nhà chồng cũng bấp bênh lắm: khéo rồi phải ở dưới sàn, đeo khâu rìu, đeo vòng mạy hóc lóng dài, khéo mà thành tôi tớ, nằng chiều đến đầu loòng cũng chẳng có cơm trưa. Thậm chí, cha mẹ chồng đối xử với cô gái như tôi tớ được mua về:

Cải và háu vánh há

... Múng khào ngăm mới dụ

*Cổng ai múng pục hom khur cẳng pại tái lòn
bở lưỡng xé nôm.*

Lài mừa phạ đệt tong pà lạn cú cập xừa lái

(Lắm bận nằng đi lấy củi về mà cơm canh ở nhà chưa có... Bó chồng lại bảo đầu út đi đuổi trâu về/ Khi nằng đi, nôi canh thịt đang sôi ào ào.../ Khi nằng về, mẹ chồng đã vớt ăn hết) [2, tr. 247-248]

Nỗi khổ của nằng dâu càng tăng lên khi xã hội Thái xưa phổ biến việc chung sống kiểu đại gia đình, bao gồm trên ba thế hệ. Cuộc sống ấy đầy rẫy những va chạm, xung khắc.

*Chại á là lơ chẩu khí đời nhíp xỏ nọi xéo bók
a lun*

... Ním lụk hại á là chí bớ xum chẩu chại á

Lơ chầu đời mẹ a cặp mẹ ló chỉ môn nhúm lơ [3, tr. 362]

(Em chỉ lo khi ngồi khâu áo thêu hoa cho cô út/

... E nhìn xấu không vui lòng cô út/ Rồi cô và thím lại cười chê) [3, tr.678]

Mâu thuẫn giữa mẹ chồng, em cô, bà bá... với nàng dâu nổi lên như những mâu thuẫn truyền kiếp trong gia đình phụ quyền Thái. Nếu như mâu thuẫn mẹ chồng – nàng dâu ta thường gặp trong dân ca các dân tộc theo chế độ phụ quyền, thì bên cạnh đó, dân ca trữ tình sinh hoạt Thái còn nhắc đến xung khắc nàng dâu - bà bá, em cô. Xung khắc nàng dâu – bà bá bắt nguồn từ việc bà bá được coi là những người thay ông bà nội truyền dạy và giám sát nàng dâu thực hiện các phong tục, lễ nghi của dòng họ. Xung khắc nàng dâu – em cô bắt nguồn từ việc anh trai sau khi lấy vợ phải có trách nhiệm lo cho em cô từ việc lấy chồng đến sinh sống để có một cơ ngơi riêng. Những mâu thuẫn đã gây ra không biết bao nhiêu ám ức cho người con dâu.

Đáng buồn hơn cho cô gái là, không chỉ nhà chồng đối xử tệ với cô, mà ngay đến người chồng vía, chồng hồn, người chung mùi mồ hôi trên gối cũng làm khổ cô. Lời yêu thương đã xa, chỉ còn lại thái độ tàn nhẫn, lạnh lùng của người chồng gia trưởng. Lấy phải người chồng ấy, cuộc sống của cô gần hơn với súc vật:

Nhịn hệt vệ xăng cò vá bó pin đảo

Mừ bó mừ tsảo nhịn pék tô xất. [3, tr.345]

(Em làm gì cũng bảo không nên việc/ Ngày ngày chửi em như súc vật) [3, tr. 560]

Khi kiếp làm dâu trở nên quá ê chề, nổi khổ lên đến đỉnh điểm, cô gái những mong ăn lá ngón độc để chết cùng người tình cũ, giải thoát khỏi hiện thực này. Dân ca Thái ghi nhận rất nhiều bài ca có chung motif quyền sinh.

Ế cời mạt tau hươn nọng phạc xờ lá tưng

Cú lừa bợ mưng và háu hặc chụ khu tì tái. [2, tr.389]

(Hay là ta ôm nhau đi ăn ngọn lá ngón vàng chết trẻ/ Ta cùng nhau đi ăn ngọn lá ngón trắng để em chết gái) [2, tr.437]

Những tiếng hát xót xa cho thân phận bị phụ thuộc và cái bi đát của kiếp làm dâu của người phụ nữ như trên có giá trị tố cáo hiện thực đã bóp nghẹt quyền sống, quyền hạnh phúc của người phụ nữ. Thế nhưng, nếu chỉ dừng ở việc phản ánh số phận đau khổ của người phụ nữ trong chế độ phong kiến miền núi nam quyền kia, thì dân ca Thái cũng tương tự dân ca nhiều dân tộc. Thậm chí, dân ca H'Mông còn có nhiều lời ca đau hơn, đời hơn về kiếp làm dâu khốn khổ của người phụ nữ. Điều đáng quý trong dân ca trữ tình sinh hoạt Thái là ở chỗ phản ánh sự tự do yêu đương và thái độ yêu thương của tộc người này dành cho người phụ nữ làm dâu. Điều đó góp phần làm nên sự khác biệt của dân ca Thái.

Việc hôn nhân thuộc quyền quyết định của cha mẹ, nhưng mặt khác, cha mẹ cũng rất tôn trọng việc nam nữ tìm hiểu, yêu đương nhau. Cho nên, người Thái mới có phong tục hạn khuông, chọc sần, cha mẹ để con gái tự do tiếp chuyện trai bán ở gian khách hoặc gian chái bếp đến thâu đêm. Những cô gái đã được ở cạnh bạn tình đến tận khi gà gáy sáng mà tâm tình, giải phóng ản ức tính dục:

Khôn chơ phần đóm chai, cu cò được non phánh xàng năm chai hạn húng tẹ y

...Ế húa cái mạt món đeo đóm chai cọt co đóm kèm.

(Nhưng khi yêu chàng, em cũng muốn nằm bên chàng đến sáng/... Đầu chung gối với chàng, quàng cổ hôn má) [2, tr. 608]

Đọc dân ca Thái, chúng tôi nhận thấy, không phải bất cứ người phụ nữ nào làm dâu cũng khổ. Có khi họ lấy chồng về nơi tốt lành, được gia đình chồng yêu thương. Người Thái có nhiều bài hát khen ngợi con dâu, thể hiện cái nhìn khá cởi mở:

Pậu nả nhúm, cháng pák xong môn Đáy pậu mấu cháng hô đời đom ời

... Xong púng kéo pặn xong đái ón. [3, tr. 242- 243]

(Nàng dâu xinh, khéo ăn nói, tươi vui/ Được dâu mới khéo ăn khéo ở/... Thương yêu nhiều như ngàn vạn sợi tơ) [3, tr. 558-559]

Người Thái quan niệm, nàng dâu chính là người giữ gìn và thể hiện nền nếp của một gia đình, dòng họ. Gia phong có tốt đẹp hay không phụ thuộc ít nhiều vào nếp ăn ở và việc quản lí kinh tế gia đình của các nàng dâu. Với truyền thống ứng xử khiêm nhường, hòa đồng, họ sẵn lòng yêu thương con dâu như con đẻ, con dâu cũng vui lòng mà xưng hô là *khỏi* với ý nghĩa hạ mình để nhà chồng thấy được thái độ tôn kính của mình đối với họ.

Người chồng – người giữ vị trí trung tâm của mọi quyền hành trong gia đình, không phải lúc nào cũng độc đoán, gia trưởng. Trong nhiều bài ca xuất hiện hình ảnh anh chồng yêu vợ hết mực, chăm chỉ lao động, vun đắp tổ ấm. Hơn thế, anh ta còn hết sức lo nghĩ đến việc giúp vợ tránh va chạm với các thế lực nhà chồng:

*Pó mẹ hại xoong hậu cói hắng hệt hợn kin
Nhịnh ả, noọng a hại noọng a hắng hụ khá nà
Pí pà hại pí pà hắng táng hợn kin* [3, tr. 511].

(Cha mẹ không ưng hai ta sẽ tự dựng nhà/ Em cô không hợp rồi em cô sẽ đi lấy chồng/ Bác gái không hợp, bác gái cũng có riêng nhà cửa) [3, tr. 736].

Từ những bài ca như trên, dân ca Thái miêu tả người phụ nữ có thân phận bị phụ thuộc trong gia đình phụ quyền, nhưng bên cạnh đó, dân ca Thái cũng ghi nhận dân chủ mà tộc người dành cho người phụ nữ thông qua sự tự do nhất định trong chuyện yêu đương và việc được hưởng không khí yêu thương tại nhà chồng. Đây là một trong nhiều khác biệt về mặt nội dung của dân ca trữ tình sinh hoạt Thái so với dân ca Tày và được lí giải bởi quan niệm của tộc người về vị trí người phụ nữ trong cấu trúc xã hội.

Thân phận người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày

Cùng sống trong chế độ xã hội theo khuôn phép phụ quyền, người phụ nữ Tày cũng có

thân phận bị phụ thuộc như người phụ nữ Thái. Tuy nhiên, dân ca trữ tình sinh hoạt Tày không chú trọng miêu tả cụ thể những nỗi khổ ấy như dân ca trữ tình sinh hoạt Thái.

Đứng trước nỗi khổ, người phụ nữ Tày thường âm thầm chịu đựng nỗi buồn, hòa nỗi xót xa, buồn đau với thiên nhiên, vạn vật. Cũng có khi, họ phản ứng lại cuộc hôn nhân được sắp đặt như trường hợp dưới đây:

*Nỉ ói mì xèn xuốc ngò mà Xuốc mà khăn ké
rầu bó nhần Rầu te xùa căn pay ban va
... Làu tẻ táng ghé dết sừn cà.*

(Anh ơi có tiền chuộc ta về/ Chuộc về cha mẹ dù không nhận/ Ta đi hành khất khắp vùng quê/... Ta sẽ dựng nên một mái nhà) [1, tr. 627].

Tuy thế, sự phản kháng này vẫn chỉ giới hạn trong những lời ước ao, thể thốt thể hiện quyết tâm thực hiện tình yêu mà thôi. Họ ít khi nghĩ đến một sự phản kháng mạnh mẽ, quyết liệt bằng cái chết như người phụ nữ Thái. Cái chết của lứa đôi Tày chỉ xuất hiện trong lượn sử. Đôi trai gái sẽ lấy cái chết của những cuộc tình duyên trong lịch sử hay truyện cổ như Lương Quân – Bjooc Lả, Lương Sơn Bá – Chúc Anh Đài để nhấn nhủ người yêu về tình cảm sâu đậm của mình.

Do sự tác động của văn hóa Việt và văn hóa Hán lên vùng người Tày, người phụ nữ Tày không được tộc người dành cho nhiều tự do, bình đẳng như người phụ nữ Thái. Song khi sống trong chế độ mà tính chất nam quyền thống trị tư duy của con người, thì như một quy luật, có áp bức, có đấu tranh. Dân ca trữ tình sinh hoạt Tày đã lên tiếng đấu tranh vì hạnh phúc cá nhân của người phụ nữ.

Gia đình phụ quyền nên việc nắm thế bầy thiếp được coi như đặc quyền của người đàn ông. Dân ca trữ tình sinh hoạt Tày cực lực phê phán chế độ đa thê này:

*Éc đeo thư soong hoài rừ đẫy
Rằng xáy vắ soong cáy rừ vắn.*

(Một ách không thảng hai trâu/ Ổ gà áp trứng chung nhau không dành) [1, tr. 553].

Trong chế độ nam quyền, người phụ nữ chính chuyên chỉ được phép có một chồng. Hơn thế, theo thuyết tam tông mà người Tày chịu ảnh hưởng của Nho giáo, người phụ nữ sau khi chồng mất phải theo con, không được tái giá để được gia đình và xã hội công nhận tiết hạnh. Đây là một sự bất công đối với người phụ nữ. Dân ca Tày đã giải phóng họ khỏi sự trói buộc quyền hạnh phúc đó, cho rằng người phụ nữ có thể tái giá:

*Vần mãi trung niên noọng giá giao Lai gần tở
tông mí tan lâu*

*Vầy mấy lâu gà nhằng chop nó Nó nhĩ nhằng
đây quá nó tầu.*

(Trung niên góa bụa chớ lo âu/ Nhiều người như thế riêng em đâu/ Bãi cháy rừng lau mầm ẩn kín/ Mầm tiếp mọc lên hơn mầm đầu) [1, tr. 628].

Với những lời hát bênh vực người phụ nữ như trên, dân ca trữ tình sinh hoạt Tày đã thể hiện tinh thần dân chủ theo một cách riêng, khác với dân ca trữ tình sinh hoạt Thái.

KẾT LUẬN

Người phụ nữ trong dân ca trữ tình sinh hoạt Tày, Thái đều được miêu tả là những người

có thân phận bị phụ thuộc trong chế độ xã hội nam quyền. Song, nếu như dân ca Thái phản ánh trung thực quyền dân chủ mà tộc người dành cho người phụ nữ, thì dân ca Tày ngược lại. Người Tày với những ảnh hưởng của Nho giáo đã không cho người phụ nữ sự tự do, quyền dân chủ như người Thái. Tuy thế, dân ca Tày vẫn thể hiện rõ sự bênh vực trước những định kiến bất công mà xã hội dành cho người phụ nữ. Miêu tả về thân phận người phụ nữ, dù theo cách nào, dân ca trữ tình sinh hoạt của người Tày và người Thái đều thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Triều Ân (2014), *Thành ngữ - Tục ngữ - Ca dao dân tộc Tày*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Quán Vi Miên (Sưu tầm và dịch) (2010), *Ca dao – dân ca Thái Nghệ An, Tập 2 – Dân ca*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Hà Mạnh Phong, Đỗ Thị Tắc (Sưu tầm và dịch) (2012), *Dân ca Thái Lai Châu, Quyển 2 - Thơ và dân ca tình yêu của người Thái Mường So*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
4. Nguyễn Mạnh Tiến (2014), *Những đỉnh núi du ca – Một lối tìm về cá tính H'Mông*, Nxb Thế giới, Hà Nội.

SUMMARY

WOMEN'S SITUATIONS IN THAI AND TAY'S FOLK SONGS

Hà Xuân Hương*

University of Sciences – TNU

Thai people and Tay people are patriarchal ones. This is reflected in their folk songs. In the folk songs, women are depicted as men's dependents. Yet, Thai folk songs also have many records of the freedom of love and the loving, open attitude of the husband, the husband's family towards the woman. The Tay people do not spend much liberty and democracy for women like Thais, but the Tay folk lovers have voiced their dissatisfaction with polygamy, prohibiting them to defend their right to happiness of women. Folk songs of the two peoples have different ways to defend women, but they express humanity in the context of male-headed society.

Keywords: *Women's situations, folk songs, Thai people, Tay people, humanities.*

Ngày nhận bài: 01/9/2017; Ngày phản biện: 25/9/2017; Ngày duyệt đăng: 16/10/2017

* Tel: 01648999090; Email: haxuanhuong_dhkh@yahoo.com.vn

SOCIAL SCIENCE – HUMANITIES – ECONOMICS

Content	Page
Ha Xuan Huong - Women's situations in Thai and Tay's folk songs	3
Ngo Thi Thu Trang - Some measures that need to be implemented to enhance students' ability in terms of using Sino – Vietnamese words	9
Nguyen Thi Ha, Vu Thi Hong Hoa - Enhancing the proportion of female in people's elected bodies	15
Nguyen Thu Ha, Nguyen Thi Mai Huong, An Thi Thu, Nguyen Thi Hong - Developing vietnamese accounting standards towards international accounting standards	21
Nguyen Thi Hoa - Using collection "Vietnam wartime letters" in historical education	27
Nguyen Thi Xuan Thu, Pham Ngoc Duy - Effects of using semantic mapping on ESP vocabulary retention of the students at University of Technology – Thai Nguyen University	33
Vu Kieu Hanh, Hoang Thi Cuong - English reading skill of the second-year students at University of Agriculture and Forestry – Thai Nguyen University: basis for enhancement activities	39
Nguyen Thi Thu Huong - Protection of personal rights for juvenile labor in Vietnam law	45
Nguyen Thi Tham - The journey to search for happiness of female characters in the short stories <i>Cœur brûlé et autres romances</i> of Le Clézio	51
Le Thi Luu, Tran Bao Ngoc, Bui Thanh Thuy et al - The bachelor of nursing students' perception of educational environment at University of Medicine and Pharmacy - Thai Nguyen University by DREEM questionnaire	57
Bui Thi Minh Ha, Nguyen Huu Tho - Awareness of household on climate change and its effectiveness on tea cultivation: a case study in Tan Cuong tea area, Thai Nguyen city	63
Duong Thanh Tinh, Tran Van Quyet, Nguyen Ngoc Ly, Nguyen Viet Dung - Employment creation potential for ethnic minorities through value chain development of cinnamon products in the northern mountainous region of Vietnam - a case study of Van Yen district, Yen Bai province	69
Nguyen Thu Nga, Do Thi Tuyet Mai, Nguyen Thi Dieu Hong - Applying Cobb-Douglas linear function to measure the efficiency of Vietnam commercial banks	75
Phung Thanh Hoa, Bui Thi Thanh Thuy - The impact of market economy on rural Viet Nam at present	81
Hoang Thi My Hanh, Sombath Kingbounkai - The migration process of Vietnamese to Laos and location in Luangprabang province of Laos	87
Vi Thi Phuong - Using press to the new construction of building culture in Vietnam, look at the <i>Tao Dan</i> magazine (1939)	93
Nguyen Thi Minh Loan - A proposed model for question generation instruction in reading comprehension	99
Nguyen Thi Bich Ngoc - English written proficiency – upper intermediate 2 (EWU241): students' evaluation of the course content and teaching activities at the School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	105
Nguyen Mai Linh, Tran Minh Thanh, Duong Thi Hong An - Portfolio development and group presentation for ESP courses toward postmethod	111
Tran Thi Kim Hoa - Developing the ability of using Vietnamese for ethnic minority elementary school pupils through vocab exercises	117
Tran Tu Hoai - The main points of "lecturers development" policy that were taken in University of Education – Thai Nguyen University	121
Pham Thi Huyen, Vu Thi Thuy - Training the working style manner of cadres following Ho Chi Minh's style	127

Tong Thi Phuong Thao - Protect the rights of women workers during pregnancy, childbirth and child rearing according to Vietnamese labor law	131
Luong Thi Hanh - The role of ethnic minority women in building new rural areas in Bac Kan province	137
Nguyen Thi Thanh Ha, Nguyen Thi Thu Hien - Some issues on building new ways of life for Vietnamese students nowadays	143
Ho Luong Xinh, Nguyen Thi Yen, Nguyen Thi Giang, Luu Thi Thuy Linh, Bui Thi Thanh Tam, Nguyen Manh Thang - Probability of improving farmer household income after agricultural land acquisition at industrial zones in Thai Nguyen province	149
Dinh Ngoc Lan, Doan Thi Thanh Hien, Duong Tuan Viet - Analyzing factors effect to production and consumption of canna in Nguyen Binh district - Cao Bang province	155
Do Thi Ha Phuong, Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam - Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen University	161
Nguyen Thi Hien Thuong, Duong Thi Thu Hoai, Cu Ngoc Bac, Kieu Thu Huong, Vu Thi Hai Anh - Research the contribution of cityzens to implement the imfrastructure criteria for new rural program in Phu Luong district, Thai Nguyen province	169
Vu Bach Diep, Mai Viet Anh - Some solutions for mobilizing capital for small and medium enterprises developing Thai Nguyen city	175
Nguyen Thi Ngoc Anh, Hoang Huyen Trang - Designing and using learning games in order to increase the effective teaching in oral advanced proficiency for chinese students at School of Foreign Languages, Thai Nguyen University	181
Tran Thi Yen, Khong Thi Thanh Huyen - Common sentence problems in academic writing committed by Vietnamese students of English: situation, causes and solutions	187
Ha Thi Thanh Hoa, Chu Thi Kim Ngan, Duong Thi Thuy Huong - The satisfaction of customers on the quality of Vinaphone mobile network service of Thai Nguyen province	193
Vu Thi Loan, Vu Thi Hau - The role of market stock price as a financial distress predictor: SVM model	199
Ho Thi Mai Phuong, Hoang Thi Tu, Tran Nguyet Anh - Design and organization of learning games in elementary school mathematical symbols for elementary school children	205
Dong Thi Hong Ngoc, Nguyen Quynh Hoa, Nguyen Thi Thu Huong, Hoang Thanh Hai, Nguyen Thi Thu Hang - Application of logistic models in rating credit of listed construction enterprices in Vietnam	211
Ha Thi Hoa, Ho Ngoc Son - Values chain analysis through consumption channels of Son tra in Yen Bai province	219